

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 96/2020/HS - ST
Ngày: 07- 5- 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phương Nga
Bà Nguyễn Thị Loan

- Th□ ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST - HS ngày 30/01/2020 đối với bị cáo:

Lê Ngọc N - sinh năm 1945 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/10; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Ngọc S (đã chết) và bà: Nguyễn Thị N2 (đã chết); vợ: Bùi Thị H và 06 con; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Năm 2000 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo tại ngoại “vắng mặt”.

Bị hại: 1. Ông Bùi Văn T - SN 1960

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Bùi Văn X - SN 1975

Trú tại: Thôn X, xã X, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3/2018, Lê Ngọc N đi chữa bệnh tại Bệnh viện P nên quen biết với anh Bùi Văn X. N nói với anh X là có thể làm được chế độ thương binh nên anh X nhờ N lo chế độ thương binh cho anh trai là Bùi Văn T. Do tin tưởng N nên anh X nói lại với ông T, ông T đồng ý và đưa 10.000.000đ (mười triệu đồng) để

anh X giao cho N. Sau đó, N đến nhà ông T nói với ông T đưa thêm 14.000.000đ để đi cảm ơn và hẹn với ông T sẽ lo được chế độ thương binh cho ông T trước tháng 7/2018. Sau khi nhận tiền của ông T, N không lo việc như đã cam kết mà sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Không thấy N lo việc như đã hứa và cũng không trả lại tiền nên anh X đã làm đơn tố cáo N đến cơ quan Công an.

Tổng số tiền N nhận của anh X và ông T là 24.000.000đ. Ông T và anh X yêu cầu N phải bồi thường số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 39/CT-VKS-KT ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Lê Ngọc N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ N quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Mức hình phạt đề nghị từ 15 đến 18 tháng tù và buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại.

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không tranh luận và nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Toàn án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị cáo. Do bị cáo ốm không thể có mặt tại phiên tòa nên đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 BLTTHS.

[2] Tại đơn xin xử vắng mặt bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, nhân chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Do có mục đích chiếm đoạt nên Lê Ngọc N đã dùng lời nói gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh X và ông T số tiền 24.000.000đ.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Lê Ngọc N có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS.

[3] Tính chất vụ án: Mặc dù bị cáo không phải là người có chức vụ, quyền hạn, không có khả năng làm các thủ tục liên quan đến chế độ thương binh nhưng đã dùng lời nói gian dối làm các bị hại tin đó là sự thật nên đã giao tiền cho bị cáo. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội tức tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị các cơ quan pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu cải sửa mà còn tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật. Do bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt đối với 02 người nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 HLHS.

Với nhân thân, tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm o, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì khi phạm tội bị cáo trên 70 tuổi và tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của ông Bùi Văn T số tiền 14.000.000đ và của anh X 10.000.000đ. Ông T và anh X yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Xét việc yêu cầu bồi thường của các bị hại là có cơ sở nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho các bị hại. Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Đối với án phí DSST theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH14 thì bị cáo là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí. Do vậy bị cáo không phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm o, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48 BLHS. Điểm c khoản 2 Điều 290; khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Khoản 2 Điều 468 BLDS. Điểm a, khoản 1 Điều 23; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc N phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Xử phạt: Lê Ngọc N 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Ngọc N bồi thường cho ông Bùi Văn T số tiền 14.000.000đ và anh Bùi Văn X số tiền 10.000.000đ.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST. Miễn tiền án phí DSST cho bị cáo.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T, anh X có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu các bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thủy